

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST

Ngày 25 - 10 - 2021

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Sách.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm, là thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 tháng 10, ngày 25 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 161/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1977; Địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (Có đơn xin xét xử vắng mặt lần 2 - nhận ngày 11/10/2021)

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Văn L, sinh năm 1975; Địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (Đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo hồ sơ thể hiện nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày: Vào năm 1994 chị và anh Đặng Văn L sau thời gian tìm hiểu đã sống với nhau như vợ chồng, mãi đến năm 2002 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, sau khi cưới chị và anh L sống bên gia đình anh L được một thời gian, đến năm 2003 thì vợ chồng cất nhà riêng sinh sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có 02 con chung tên Đặng Thị Chúc H, sinh năm 1996 và Đặng Văn H, sinh ngày 27/01/2007 (Hiện đang sống với chị), sau đó đến năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau nên chị dẫn 02

người con đi lên thành phố Hồ Chí Minh để làm thuê và vợ chồng cũng ly thân kể từ đó đến nay, trong thời gian ly thân không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm, nay xét thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đặng Văn L.

+ Về con chung: có 02 con chung, tên Đặng Thị Chúc H, sinh năm 1996 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết và Đặng Văn H, sinh ngày 27/01/2007 chị T yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Đặng Văn L, không có ý kiến gửi Tòa án, mặc dù đã được tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ trong quá trình tố tụng vụ án.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

* Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

* Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và qua kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự sau phân phân tích nội dung vụ án, xét thấy:

Về hôn nhân: Chị T cho rằng tình cảm hiện nay giữa chị và anh L đã không còn nên chị yêu cầu ly hôn; Trước đó chị và anh L đã sống ly thân, thời gian ly thân cũng không gặp nhau để hàn gắn. Khi chị nộp đơn ly hôn thì anh L vẫn không đến Tòa án để thể hiện thiện chí đoàn tụ cùng chị T, chứng tỏ vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ cho nhau nữa. Nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T ly hôn với anh L.

Về con chung: có 02 con chung. Nhưng cháu Chúc H trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không đặt ra xem xét.

Riêng cháu H, thì chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Trong đơn khởi kiện chị T trình bày hiện tại cháu H vẫn được chị chăm sóc, giáo dục kể từ khi chị và anh L sống ly thân; Hơn nữa, theo bản khai ngày 26/4/2021 (bút lục 41) của cháu H thể hiện nguyện vọng được sống cùng mẹ là chị T nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T giao con chung Đặng Văn H sinh ngày 27/01/2007 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T tự nguyện chưa yêu cầu.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

* Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và nguyên đơn, bị đơn đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn chị Đỗ Thị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Đặng Văn L đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở tự nguyện sống như vợ chồng kể từ năm 1994, sau đó đến ngày 25/12/2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, nên quan hệ vợ chồng của chị Đỗ Thị T và anh Đặng Văn L là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo chị T khai là không hợp nhau, thường xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, nên vào năm 2012 chị T cùng với 02 người con bỏ nhà đi lên Thành phố Hồ Chí Minh làm thuê và kể từ đó chị T với anh L ly thân cho đến nay. Nay chị T xin được ly hôn với anh L; còn anh L thì không có ý kiến tại tòa. Hội đồng xét xử, nhận thấy: Tình cảm vợ chồng của chị T với anh L không còn, cụ thể qua các lần hòa giải Tòa án đã nhiều lần động viên chị T về đoàn tụ lại với anh L, nhưng chị T kiên quyết ly hôn, do đó xét thấy mặc dù không có ý kiến của anh L, nhưng thực tế cuộc sống vợ chồng của chị T, anh L đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được (cụ thể từ năm 2012 đến nay không gặp nhau để hàn gắn tình cảm), nên căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh L.

- Về quyền, nghĩa vụ nuôi con chung: Theo chị T khai có 02 con chung với anh L, tên Đặng Thị Chúc H, sinh năm 1996 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết và Đặng Văn H, sinh ngày 27/01/2007 chị T yêu cầu được trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Đối với Đặng Thị Chúc H đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết; Còn Đặng Văn H, sinh ngày 27/01/2007 chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, thấy rằng mặc dù chưa có ý kiến của anh L, nhưng thực tế cháu H hiện nay đang sống với chị T và việc nuôi dưỡng con mặc dù có sự thống nhất thỏa thuận của cha, mẹ về người trực tiếp nuôi, nhưng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình có quy định: *“...nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con...”*, như vậy đối với cháu H sinh ngày 27/01/2007 tính đến nay đã trên 14 tuổi và theo nguyện vọng của cháu H tại Bản khai ngày 26/4/2021 thì *“ba với mẹ ly hôn con xin ở với mẹ”*, do đó việc chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H là phù hợp với nguyện vọng cháu H và phù hợp với pháp luật, nên chấp nhận giao cháu H cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật và nguyện vọng của cháu H.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T chưa yêu cầu, nên anh L chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt vấn đề xem xét.

- Về nợ chung: Chị T khai rằng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt vấn đề xem xét.

[3]. Qua đó xét thấy phát biểu đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát Huyện tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án như đã nêu trên là có căn cứ, phù hợp với pháp luật, nên chấp nhận.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm, và được trừ vào khoảng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BI/2019/0012964 ngày 03/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp, vậy chị T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm; Anh L không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Đặng Văn L.

2. Về quyền, nghĩa vụ nuôi con chung: Chị Đỗ Thị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đặng Văn H, sinh ngày 27/01/2007 (Theo nguyện vọng của cháu H và hiện đang sống với chị T); Anh Đặng Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Đỗ Thị T chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên anh Đặng Văn L chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản: Tự thỏa thuận, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt vấn đề xem xét.

5. Về nợ chung: Chị T khai rằng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt vấn đề xem xét.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị T phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào khoảng tiền tạm ứng án phí chị Đỗ Thị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BI/2019/0012964 ngày 03/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp, vậy chị Đỗ Thị T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm; Anh Đặng Văn L không phải nộp án phí sơ thẩm.

7. Quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn chị Đỗ Thị T, bị đơn anh Đặng Văn L đều vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định.

8. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện H;*
- *TAND tỉnh Đồng Tháp;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *UBND xã L;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Quốc Sách